

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 06-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản – Cán bộ hưu trí phường Đa Phúc, quận D

Bà Phạm Thị Thanh – Phó Phòng Lao động xã hội quận D

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hưng -Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2024/TLST- HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2024/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 03 tháng 5 năm 1958, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ 3, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có vợ là Đỗ Thị B; có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07 tháng 02 năm 2024; có mặt.

- Bị hại: Ông Bùi Quốc T, địa chỉ: Số 301, Cát Bi, Hải An, Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bà Trần Thị Đ; địa chỉ: Số 301, Cát Bi, Hải An, Hải Phòng; có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2005, vợ chồng ông Bùi Quốc T và bà Trần Thị Đ nhận chuyển nhượng 01 thửa đất tại tổ 3, phường H, quận D, Hải Phòng của bị cáo Nguyễn Văn L và vợ

là Đỗ Thị B. Đến năm 2015 ông T và bà Đ thuê người xây dựng tường bao giáp ranh với phần đất của gia đình bị cáo L. Khoảng tháng 7/2023 bị cáo L tự khảo sát thấy diện tích đất của gia đình mình bị thiếu, cho rằng ông T, bà Đ đã xây dựng tường bao sang phần đất nhà mình nên bị cáo L đã yêu cầu gia đình ông T phá dỡ đoạn tường bao nhưng gia đình ông T không đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 05/10/2023, bị cáo L đã dùng búa tạ đập phá đoạn tường bao của gia đình bà Đ có chiều dài 9,3m, chiều cao 1,34m, xây bằng xi măng, cát, gạch ba banh. Sau khi phát hiện đoạn tường bao nhà mình bị đập phá, bà Đ đã làm đơn trình báo Công an.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D đã tiến hành xác định hiện trường nơi xảy ra vụ việc và thu giữ vật chứng là 01 búa tạ, cán gỗ dài 96cm, đầu búa được làm bằng kim loại có kích thước (06 x 14 x 06) cm do bị cáo L đã sử dụng để đập phá tường bao của gia đình bà Đ.

Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận D kết luận: Giá trị hư hỏng của đoạn tường bao là 3.087.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận D quản lý vật chứng của vụ án là 01 búa tạ, cán gỗ, đầu kim loại có kích thước như trên.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, ông T và bà Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 3.087.000 đồng theo giá trị định giá tài sản.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 02/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Văn L về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Ngày 30/7/2024, ông Bùi Quốc T và bà Trần Thị Đ có ý kiến về phần dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân quận D buộc bị cáo L phải xây dựng lại tường bao như cũ, không yêu cầu bị cáo L bồi thường giá trị hư hỏng tài sản bằng tiền và đề nghị được trả lại bị cáo Nguyễn Văn L số tiền bồi thường đã nhận là 3.087.000 đồng.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bà Trần Thị Đ không còn đề nghị gì về phần dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự, bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Ông Bùi Quốc T vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên

quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 tháng đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; đề nghị không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc búa là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Về dân sự: Giá trị tài sản bị hư hỏng đã được Hội đồng định giá xác định là 3.087.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường đầy đủ nên không chấp nhận việc ông T và bà Đ đề nghị trả lại bị cáo L số tiền trên và không chấp nhận đề nghị xây dựng lại tường bao theo yêu cầu của bị hại do mốc giới của hai thửa đất giữa gia đình bị cáo và bị hại hiện đang có tranh chấp. Về án phí, đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Về tội danh, về căn cứ pháp luật áp dụng: Không tranh luận. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng và làm công dân có ích cho xã hội.

Ý kiến của bị hại: Không có ý kiến gì về lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa. Về phần dân sự, không còn đề nghị gì. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại là ông Bùi Quốc T tại phiên tòa. Tuy nhiên ông T đã có lời khai trong quá trình điều tra, những lời khai này đã được Cơ quan điều tra thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông T đã có ý kiến xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc bận không thể có mặt tại phiên tòa. Đây là ý chí hoàn toàn tự nguyện của ông T và phù hợp với quy định của pháp luật, xét thấy việc vắng mặt của ông T tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về nội dung:

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với Biên bản hiện trường, với Kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào khoảng hơn 15 giờ ngày 05/10/2023, tại thửa đất giáp ranh giữa gia đình ông Bùi Quốc T, bà Trần Thị Đ với gia đình bị cáo Nguyễn Văn L, thuộc địa phận tổ 3, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Văn L đã có hành vi đập phá, làm hư hỏng đoạn tường bao của gia đình ông Bùi Quốc T và bà Trần Thị Đ có chiều dài 9,3m, chiều cao 1,34m, giá trị bị hư hỏng là 3.087.000 đồng nên cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 02/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn L là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị hư hỏng theo định giá, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra bị cáo còn có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Chí là Bà mẹ Việt Nam anh hùng và hai anh trai của bị cáo là Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Đ đều là bộ đội liệt sỹ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa có vi phạm pháp luật nào khác. Bị cáo có sức khỏe yếu, Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng kết luận bị cáo bị Ung thư đại, trực tràng giai đoạn cuối và đã di căn sang gan.

[7] Về hình phạt đối với bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ và còn gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có điều kiện chăm sóc sức khỏe và xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự và như mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, sức khỏe yếu nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[10] Về dân sự: Giá trị tài sản bị hư hỏng do hành vi của bị cáo gây ra đã được Hội đồng định giá xác định là 3.087.000 đồng và bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền này cho bị hại trực tiếp nhận nên Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của ông T và bà Đ về việc trả lại bị cáo Nguyễn Văn L số tiền trên và không chấp nhận đề nghị xây dựng lại tường bao theo yêu cầu của bị hại do mốc giới của hai thửa đất giữa gia đình bị cáo và bị hại hiện đang có tranh chấp, chưa được giải quyết bởi cơ quan có thẩm quyền.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc búa tạ của bị cáo đã bị thu giữ là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm, tội nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận D, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự. Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ

sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

2. Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị hư hỏng theo kết luận định giá là 3.087.000đ (ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng), không chấp nhận đề nghị của bị hại về việc trả lại số tiền trên cho bị cáo và không chấp nhận đề nghị của bị hại về việc yêu cầu bị cáo phải xây dựng lại tường bao như hiện trạng ban đầu.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy giữ 01 búa tạ, cán gỗ dài 96cm, đầu làm bằng kim loại có kích thước (06 x 14 x 06) cm (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng).

6. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo Nguyễn Văn L và bị hại là bà Trần Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

8. Về thời hiệu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều

7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06; PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND quận D;
- CA quận D;
- Chi cục THADS quận D;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND phường H;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên